

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Nghề đào tạo: Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí Mã nghề: 5520205
2. Trình độ đào tạo: Trung cấp Lớp KTMLĐHKK-K10A
3. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên
4. Mục tiêu đào tạo:

4.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà không khí nhằm đào tạo nhân lực kỹ thuật làm việc trong lĩnh vực công nghệ nhiệt lạnh. Người học có khả năng độc lập thực hiện các công việc kỹ thuật như: lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các thiết bị máy lạnh, máy điều hoà, máy làm kem, tủ lạnh, tủ đá, máy hút ẩm...

4.2. Mục tiêu cụ thể:

4.2.1. Về kiến thức

- + Hiểu được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương mại, dân dụng an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất
- + Hiểu được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hòa không khí trung tâm, điều hòa không khí cục bộ an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất
- + Hiểu được quy trình: bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất
- + Kiểm tra được chất lượng hệ thống thiết bị, thiết bị, nguyên vật liệu chuyên ngành đầu vào
- + Phân tích được các hư hỏng thông thường về điện, lạnh trong các các hệ thống lạnh
- + Ứng dụng, cập nhật được các tài liệu kỹ thuật liên quan đến nghề
- + Am hiểu các dụng cụ, thiết bị chính được sử dụng trong nghề.

4.2.2. Về kỹ năng

- + Thực hiện được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương mại, dân dụng an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất;
- + Thực hiện được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hòa không khí trung tâm, cục bộ an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất;
- + Thực hiện được quy trình: bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất;
- + Sửa chữa được các hư hỏng thông thường về điện, lạnh trong các hệ thống lạnh;
- + Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị chính trong nghề;

+ Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

5. Khoá học: 10

6. Thời gian khoá học: 2 năm (từ 8/2025 đến 08/2027)

7. Thời gian học tập: 86 tuần, trong đó thời gian ôn, kiểm tra hết môn học/mô-đun, thời gian ôn, thi tốt nghiệp: 312 giờ.

8. Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 18 tuần

9. Địa điểm thực hiện: Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công Thương

10. Quyết định phê duyệt chương trình: *Quyết định số: 341/QĐ-KTKTCT ngày 19 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công Thương*

I. LỊCH HỌC TOÀN KHÓA

Năm học	Tuần																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I				K	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	C	C	H	H	T	T	T	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM
	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51
	CM	CM	CM	CM	CM	H	H	H	H	H	H	CM	CM	CM	CM	CM	T
II	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM
	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	CM	CM	H	H	T	T	T	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D
	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51
	D	D	D	D	D	H	H	H	H	H	H	D	D	D	D	D	T

K
Khai giảng

C
Môn chung

CM
Môn học /mô-đun
chuyên môn

T
Ôn, thi kết thúc môn
học, mô đun

H
Nghỉ hè, lễ

D
Thực tập tại
doanh nghiệp



II. PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC TẬP

TT	Các môn học	Thời gian học tập (giờ)					Kế hoạch giảng dạy (giờ)			
		Số Tín chỉ	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Năm 1			
							Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Năm 2 Học kỳ 4
1.	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2	30			
2.	Pháp luật	1	15	9	5	1		15		
3.	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2	30			
4.	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3		45		
5.	Tin học	2	45	15	29	1		45		
6.	Tiếng Anh	3	90	30	56	4	90			
7.	Vẽ kỹ thuật	1	30	20	8	2	30			
8.	Cơ kỹ thuật	2	30	20	8	2	30			
9.	Cơ sở kỹ thuật điện	2	45	30	12	3		45		
10.	Cơ sở kỹ thuật nhiệt lạnh và điều hoà không khí	5	90	60	27	3	90			
11.	An toàn và vật liệu điện - lạnh	1	30	20	8	2			30	
12.	Máy điện	3	75	20	49	6		75		
13.	Trang bị điện	4	90	30	52	8		90		
14.	Thực tập cơ khí	1	45	8	34	3			45	
15.	Kỹ thuật điện tử	1	30	20	8	2			30	
16.	Đo lường điện - lạnh	3	60	30	37	3			60	
17.	Lạnh cơ bản	6	120	60	52	8		120		
18.	Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	5	120	30	82	8			120	
19.	Hệ thống điều hoà không khí cục bộ	6	150	30	108	12				150

THI TỐT NGHIỆP

Số TT	NỘI DUNG THI TỐT NGHIỆP	Dự kiến thời gian thi tốt nghiệp		Hình thức	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
		Thời gian ôn thi (ngày)	Thời gian thi (Giờ)			
1	Lý thuyết chuyên môn	7	Thời gian thi viết hoặc trắc nghiệm không quá 180 phút, thi vấn đáp không quá 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời cho 1 thí sinh, được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.	Viết, vấn đáp hoặc trắc nghiệm	Chấm bài thi viết	
2	Thực hành	7	Từ 4 đến 8 giờ	Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp	Chấm thực hành	

Ngày.../.../...tháng.../...năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Đã được Hiệu trưởng Duyệt